

# PHÉP TRỪ

(2 tiết – SGK trang 62)

## A. Mục tiêu

### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết:
  - Ý nghĩa của phép trừ: tách ra.
  - Hai thuật ngữ thể hiện ý nghĩa phép trừ: **bớt đi, còn lại**.
- **Quan sát tranh, nói** được tình huống xuất hiện phép trừ, thao tác trên đồ dùng học tập thể hiện **tách, viết** được phép trừ thích hợp.
- Bước đầu nhận biết mối quan hệ cộng trừ qua sơ đồ Ven.

**2. Năng lực chú trọng:** mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật, Tiếng Việt.

## B. Thiết bị dạy học

- HS & GV: 10 khối lập phương.

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞ ĐỘNG

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

**Có...**

**Bớt...**

**Còn lại...**

- 8 HS đứng trước lớp.
- GV ra hiệu lệnh, 3 HS chạy ra ngoài.
- HS dưới lớp nói, ví dụ:
  - Có 8 bạn**
  - Bớt 3 bạn**
  - Còn lại 5 bạn.**

## BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

### 1. Hình thành phép trừ ở tình huống dùng từ "bớt"

#### a) Giới thiệu phép trừ:

- HS (nhóm đôi) **quan sát tranh, nói** "câu chuyện" xảy ra phép trừ theo câu trúc câu: "Có... **bớt**... **Còn lại**..."

Ví dụ: **Có 5 con sóc**

**Bớt 2 con sóc**

**Còn lại 3 con sóc**

- GV hướng dẫn HS dùng các khối lập phương thay số sóc, thực hiện thao tác tách (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn)

**Có 5 con sóc** (đặt 5 khối lập phương)

**Bớt 2 con sóc** (gạt 2 khối lập phương sang một bên)

**Còn lại 3 con sóc** (tay chỉ vào 3 khối lập phương còn lại).

- GV giới thiệu phép trừ:

**Có 5 con sóc, bớt 2 con sóc, còn lại 3 con sóc.**

Ta **nói**: "5 bớt 2 còn 3".

Ta **viết**:  $5 - 2 = 3$ .

Đây là phép tính trừ, **đọc** là: "năm trừ hai bằng ba".

HS **nói** và đọc trôi chảy:

**5 bớt 2 còn 3**

**năm trừ hai bằng ba.**

#### b) Viết dấu trừ, viết phép tính trừ:

- GV giới thiệu dấu —.

GV hướng dẫn cách viết. HS viết.

- GV hướng dẫn viết phép tính

$$5 - 2 = 3$$

HS viết.

#### c) Thực hành thành lập các phép trừ, viết phép trừ (bài 1):

- **Thực hiện mẫu**: GV giúp HS **nhận biết** và **thực hiện** được các việc theo trình tự

- **Quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ, đồng thời thực hiện thao tác tách các khối lập phương.

Ví dụ: **Có** 2 con bướm (đặt 2 khối lập phương)  
**Bớt** 1 con bướm (gạt 1 khối lập phương sang một bên)  
**Còn lại** 1 con bướm (tay chỉ 1 khối lập phương còn lại).

Thành lập phép trừ:

HS **nói**: 2 bớt 1 còn 1

Hai trừ một bằng một.

HS **viết**:  $2 - 1 = 1$

HS **đọc** đồng thanh: Hai trừ một bằng một.

- HS **thực hành** các câu a, b theo trình tự mẫu.
- GV khái quát:  $5 - 2 = 3$  tức là **có 5, tách bớt 2, còn lại 3**.

#### \* **Thư giãn**

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

**Có**...

**Trong đó có**...

**Còn lại**...

– 5 HS đứng trước lớp (GV khéo léo thu xếp để có cả nam và nữ, cao và thấp, tóc dài và tóc ngắn,...)

– HS dưới lớp nói, ví dụ:

**Có** 5 bạn

**Trong đó có** 2 bạn nam

**Còn lại** 3 bạn nữ

...

## 2. Hình thành phép trừ ở tình huống “tách” để tìm phần “còn lại”

### a) Giới thiệu phép trừ:

– HS (nhóm đôi) **quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ theo cấu trúc câu: “**Có ... trong đó ... còn lại ...**” (GV yêu cầu nói về số gà trống, số gà mái).

Ví dụ: **Có** 6 con gà

**Trong đó có** 1 gà trống

**Còn lại** 5 gà mái.

– GV và HS dùng các khối lập phương thay số gà, thực hiện thao tác **tách** (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn).

**Có** 6 con gà (đặt 6 khối lập phương)

**Trong đó có** 1 gà trống (gạt 1 khối lập phương sang một bên)

**Còn lại** 5 gà mái (tay chỉ 5 khối lập phương còn lại).

– GV giới thiệu phép trừ:

**Có** 6 con gà, **trong đó** có 1 gà trống, **còn lại** 5 gà mái

Ta **nói**: 6 **tách** 1 **còn** 5

Ta **viết**:  $6 - 1 = 5$

**đọc** là: “sáu trừ một bằng năm”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

6 **tách** 1 **còn** 5

sáu trừ một bằng năm.

– HS **viết**  $6 - 1 = 5$ .

### **b) Thực hành thành lập các phép trừ, viết phép trừ (bài 2):**

– **Thực hiện mẫu**

GV giúp HS **nhận biết** và **thực hiện** được các việc theo trình tự:

- **Quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép trừ, đồng thời thực hiện **thao tác tách** các khối lập phương.

Ví dụ: **Có** 4 trái táo (đặt 4 khối lập phương)

**Trong đó có** 1 trái xanh (gạt 1 khối lập phương sang một bên)

**Còn lại** 3 trái táo đỏ (tay chỉ 3 khối lập phương còn lại).

- Thành lập phép trừ:

HS **nói**: 4 **tách** 1 **còn** 3

Bốn trừ một bằng ba.

HS **viết**:  $4 - 1 = 3$

HS **đọc** đồng thanh: Bốn trừ một bằng ba.

– HS **thực hành** các câu a, b theo trình tự mẫu.

Lưu ý câu b, HS có thể thành lập  $4 - 3 = 1$  hay  $4 - 1 = 3$ , tuy nhiên phải phù hợp “câu chuyện”.

– GV khái quát:  $6 - 1 = 5$  tức là **có** 6, **tách** 1, **còn lại** 5.

### **3. Sơ đồ Ven**

GV vẽ sơ đồ Ven lên bảng lớp, GV vẽ, HS đếm.

Ví dụ: GV vẽ 1 chấm tròn, HS đếm 1.

GV vẽ thêm 1 chấm tròn, HS đếm 2.

GV khoanh 2 chấm tròn và hỏi: có mấy chấm tròn, HS trả lời: 2 chấm tròn, GV viết (hoặc gắn thẻ) số 2.

Tương tự với 1 chấm tròn.

GV khoanh và hỏi có tất cả mấy chấm tròn, HS trả lời: 3 chấm tròn.

GV yêu cầu HS viết phép tính từ sơ đồ Ven vào bảng con (1 HS/phép tính).

GV tổng hợp chọn đủ 4 phép tính viết lên bảng lớp.

GV giới thiệu mối quan hệ cộng trừ.

## CỦNG CỐ

Dùng các khối lập phương thể hiện phép tính  $9 - 3 = 6$ .

Nói một “câu chuyện” phù hợp phép tính trên.

Có thể tổ chức thi đua giữa các tổ:

Các tổ thảo luận.

Mỗi tổ cử hai bạn lên thể hiện trên bảng lớp (bảng chia thành các khu vực cho các tổ):

- Xếp các khối lập phương, thể hiện thao tác tách
- Nói một “câu chuyện” phù hợp

(Khuyến khích các tổ nói theo hai câu trúc: **Có ... bớt ... còn lại ...**

**Có ... trong đó ... còn lại ...**